

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỐI VỚI HỌC VIÊN



(Tài liệu lưu hành nội bộ)
Hà Nội - 2025

Lời nói đầu

Cuốn sách nhỏ này sẽ giới thiệu cho các anh, chị học viên những điểm chính về lịch sử Trường, về quyền lợi và nghĩa vụ của học viên Trường Đại học Dược Hà Nội trong suốt quá trình học tập tại Trường trên một số mặt cơ bản như:

- *Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Dược Hà Nội*
- *Chương trình đào tạo*
- *Một số quy định chung về học tập và rèn luyện tại Trường*
- *Một số văn bản pháp quy*

Những điều giới thiệu trong cuốn sách nhỏ này là những điểm chính được trích ra từ các quy chế, nội quy, quy định trong Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Dược Hà Nội ban hành.

*Nhà trường mong các anh, chị học viên dành thời gian nghiên cứu kỹ những điều ghi trong cuốn "**Những điều cần biết**" này. Hi vọng các anh, chị sẽ thực hiện tốt những quy định đó.*

Chúc các anh, chị học tập tốt và góp phần xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội ngày càng vững mạnh.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI (Năm 2025)

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	1
GIỚI THIỆU VỀ MỘT SỐ PHÒNG CHỨC NĂNG.....	6
MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG	11
1. Quy định về dùng thẻ học viên	11
2. Nội quy học tập tại giảng đường.....	11
3. Nội quy thực tập tại phòng thí nghiệm	11
4. Quy định về nghỉ học của học viên	12
5. Quy định về thực tập bù, thực tập lại.....	12
6. Quy định về thi hết học phần	13
7. Nhận/trả các giấy tờ xác nhận học viên:.....	15
8. Quy định về tài chính:.....	15
CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ	17
I. Ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	17
II. Ngành Dược lý- Dược lâm sàng.....	18
Tên ngành đào tạo: Dược lý và Dược lâm sàng.....	18
III. Ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền	19
IV. Ngành Hóa sinh dược	20
V. Ngành Kiểm nghiệm thuốc & Độc chất.....	21
VI. Ngành Tổ chức quản lý dược	22
VII. Ngành Hóa dược	23
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC	24
I. GIỚI THIỆU CHUNG.....	24
II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ DƯỢC HỌC	26
1. Đào tạo ngành Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc (Mã số: 8720202)	26
2. Đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng (Mã số: 8720205)	28
3. Đào tạo ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Mã số: 8720206)	30
4. Đào tạo ngành Hóa sinh dược (Mã số: 8720208)	33
5. Đào tạo ngành Kiểm nghiệm thuốc và độc chất (Mã số: 8720210)	35
6. Đào tạo ngành Tổ chức quản lý dược (Mã số: 8720212)	37
7. Đào tạo ngành Hóa dược (Mã số: 8720203)	39
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI HỌC	42
NHỮNG QUY ĐỊNH VÀ VĂN BẢN CẦN BIẾT	43
1. Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (sửa đổi, bổ sung) của Trường ĐH Dược Hà Nội (Ban hành kèm Quyết định số 414/QĐ-DHN ngày 06/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội).....	43
2. Quy định hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học (trình độ thạc sĩ).....	43
3. Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội của viên chức, người lao động, sinh viên, học viên của Trường Đại học Dược Hà Nội (Ban hành kèm Quyết định số 865/QĐ-DHN ngày 09/11/2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội).....	43

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

- *Địa chỉ:* 11-13-15, Lê Thánh Tông, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
- *Điện thoại:* 024.38254539 (Phòng Tổ chức - Hành chính); 024.39336467 (Phòng Công tác Học viên, sinh viên - Y tế);
- *Fax:* 024. 38264464/ 024. 39332332
- *Website:* <http://www.hup.edu.vn>

Ngày 08/01/1902, Chính phủ Pháp ký quyết định thành lập Trường Thuốc Đông Dương tại Hà Nội để đào tạo y sĩ và dược sĩ phụ tá. **Năm 1914 Trường bắt đầu đào tạo Dược.** Năm 1926, Trường Thuốc Đông Dương được chuyển thành Trường Y Dược thực hành đào tạo bác sĩ và dược sĩ hạng nhất. Năm 1941, Chính phủ Pháp ký sắc lệnh đổi tên thành Trường Đại học Y Dược Đông Dương.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Trường Đại học Y Dược Đông Dương được đổi thành Trường Đại học Y Dược khoa và được Bộ Quốc gia Giáo dục quyết định khai giảng khóa đầu tiên ngày 15/11/1946. Do yêu cầu phát triển của ngành Y tế, ngày 29/9/1961, Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch ký Quyết định số 828/BYT-QĐ tách Trường Đại học Y Dược khoa thành 2 trường: Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa trực thuộc Bộ Y tế.

Năm 1985, Trường chính thức được đổi tên thành Trường Đại học Dược Hà Nội theo Quyết định số 1004/BYT-QĐ, ngày 11/9/1985 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Tính đến nay, Trường đã đào tạo 18.101 dược sĩ đại học và cử nhân Hóa dược, 4.053 dược sĩ chuyên khoa I và chuyên khoa II; 1.561 thạc sĩ và 184 tiến sĩ; sản phẩm đào tạo của Trường chiếm hơn 50% nhân lực của toàn ngành Dược. Chương trình đào tạo được cập nhật chương trình tiên tiến của châu Âu và thế giới. Chất lượng đào tạo được kiểm soát chặt chẽ, điểm tuyển sinh những năm gần đây luôn ở mức cao. Trường là cơ sở độc lập duy nhất đào tạo nhân lực trình độ cao cho ngành Dược, đi đầu trong thực hiện đào tạo theo nhu cầu của các địa phương, xã hội, đào tạo sinh viên quốc tế.

Trường có quan hệ và hợp tác với nhiều tổ chức và các trường đại học trên thế giới, mở ra các hướng hợp tác, trao đổi và học tập của nhiều cán bộ và sinh viên. Trường Đại học Dược Hà Nội chú trọng nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy, học tập, quản lý, chuyển giao để sản xuất, đem lại hiệu quả rõ rệt trong hoạt động đào tạo, quản lý của Nhà trường và công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận vì những đóng góp trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân, nổi bật như:

- Anh hùng Lao động (2011);
- Huân chương Độc lập hạng Nhì (2012);
- Huân chương Độc lập hạng Ba (2006);
- Huân chương Lao động hạng Nhất (2001);
- Huân chương Kháng chiến hạng Ba (1973);
- Huân chương Tự do hạng Nhất (CHDCND Lào tặng, 1983)
- Huân chương Lao động hạng Hai (CHDCND Lào tặng, 2000).

II. Sứ mạng của Trường

1) Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế.

2) Tạo ra các công trình nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực dược được ứng dụng trong thực tiễn, tạo ra giá trị cho xã hội.

3) Là trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp, hàng đầu để hỗ trợ phát triển thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, sản phẩm thảo dược đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và quốc gia.

4) Là trung tâm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Dược, nuôi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam.

III. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường Đại học Dược Hà Nội là đại học đa ngành trong lĩnh vực Dược, định hướng nghiên cứu kết hợp với thực hành nghề nghiệp, bước đầu là đại học định hướng nghiên cứu; là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học, nuôi dưỡng và hỗ trợ khởi nghiệp có uy tín, cung cấp cho người học môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học tốt nhất, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu. Đến năm 2045, Trường là đại học đổi mới sáng tạo.

IV. Triết lý giáo dục

Đào tạo, nghiên cứu có chất lượng gắn liền với thực tiễn, lấy sáng tạo và phục vụ cộng đồng làm định hướng hành động.

V. Giá trị cốt lõi

1) *Chất lượng - hiệu quả*: Yếu tố cốt lõi làm nên thương hiệu Trường Đại học Dược Hà Nội là chất lượng cao gắn liền với hiệu quả tối ưu trong mọi hoạt động và trên mọi phương diện.

2) *Tài năng cá nhân - trí tuệ tập thể*: Mọi thành công đột phá đều bắt nguồn từ sáng tạo và tài năng cá nhân, nhưng chìa khóa đảm bảo thành công là sự đoàn kết, hợp tác và trí tuệ tập thể.

3) *Kế thừa - sáng tạo*: Động lực chính cho phát triển bền vững là đổi mới sáng tạo dựa trên tiếp thu tinh hoa tri thức của nhân loại, kế thừa những thành quả của thế hệ trước, trí tuệ dân tộc và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp.

4) *Chuyên nghiệp*: Chuyên nghiệp trong kiến thức, kỹ năng, thời gian làm việc, thu nhập, từ đó tạo nên hiệu chất lượng và hiệu quả cao.

5) *Khát vọng*: Nhận thức rõ mình đang ở đâu và cùng nhau quyết tâm bằng những chương trình hành động cụ thể, phấn đấu trở thành một trong những trường đại học hàng đầu trong nước và có vị trí nhất định trong khu vực.

6) *Tiên phong*: Chủ động thích ứng, hội nhập và tiên phong đổi mới sáng tạo

VI. Các bậc đào tạo

6.1. Đại học:

- Hệ chính quy ngành Dược học (đại trà và chất lượng cao)
- Hệ chính quy ngành Dược học liên kết đào tạo song bằng
- Hệ chính quy ngành Hóa Dược
- Hệ chính quy ngành Hóa học

- Hệ chính quy ngành Công nghệ sinh học

6.2. Sau đại học:

- Tiến sĩ
- Thạc sĩ
- Dược sĩ chuyên khoa cấp II
- Dược sĩ chuyên khoa cấp I

Và thường xuyên mở các lớp đào tạo liên tục: Cấp chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, chứng chỉ cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ ...

VII. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Khoa

- Khoa Bào chế và Công nghệ dược phẩm
- Khoa Công nghệ Hóa dược
- Khoa Công nghệ Sinh học
- Khoa Dược lý - Dược lâm sàng
- Khoa Dược liệu - Dược học cổ truyền
- Khoa Hóa phân tích và Kiểm nghiệm thuốc
- Khoa Quản lý và Kinh tế dược
- Khoa Khoa học cơ bản

Phòng chức năng

- Phòng Quản lý đào tạo
- Phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế
- Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí
- Phòng Tài chính kế toán
- Phòng Tổ chức – Hành chính
- Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác phát triển
- Phòng Cơ sở vật chất – Vật tư trang thiết bị
- Trung tâm Thông tin – Thư viện

Viện, trung tâm

- Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc
- Viện Công nghệ Dược phẩm Quốc gia
- Tạp chí Nghiên cứu dược và thông tin thuốc

THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRONG TRƯỜNG

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Bộ phận đào tạo Đại học:

Địa chỉ: Nhà D

Điện thoại: (024) 38264465/ (024) 39334855

Email: p.daotao@hup.edu.vn

Bộ phận đào tạo Sau đại học:

Địa chỉ: Tầng 1, nhà A

Điện thoại: (024) 38267480

Email: p.saudaihoc@hup.edu.vn

PHÒNG CÔNG TÁC HỌC VIÊN, SINH VIÊN – Y TẾ

Bộ phận Công tác học viên, sinh viên

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà C1A

Điện thoại: (024) 39336467

Email: cthvsvyt@hup.edu.vn

Bộ phận Trạm Y tế

Địa chỉ: Tầng 1, nhà F

Điện thoại: (024) 39330238

Email: tramytehup.edu.vn@gmail.com

Bộ phận Khu nội trú

Địa chỉ: Số 1A, dốc Thọ Lão, Lò Đúc

Điện thoại: (024) 39722265

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ KHẢO THÍ

Địa chỉ: Tầng 1, nhà F

Điện thoại: (024) 39335535

Email: dbclkt@hup.edu.vn

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Địa chỉ: Tầng 1, nhà B2

Điện thoại: (024) 38267506 / (024) 39330240

Email: p.tckt@hup.edu.vn

PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH

Địa chỉ: Tầng 1, nhà B3

Điện thoại: (024) 38254539

Email: tchc@hup.edu.vn

PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - HỢP TÁC PHÁT TRIỂN

Bộ phận Quản lý khoa học

Địa chỉ: Tầng 2, Nhà C1a

Điện thoại: (024) 38245437

Email: khcnhtpt@hup.edu.vn

Bộ phận Hợp tác phát triển

Địa chỉ: Nhà D

Điện thoại: (024) 39331012

Email: p.htpt@hup.edu.vn

PHÒNG CƠ SỞ VẬT CHẤT – VẬT TƯ TRANG THIẾT BỊ

Địa chỉ: Tầng 1, nhà F

Điện thoại: (024) 39335705

Email: csvcvttb@hup.edu.vn

TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN

Địa chỉ: Tầng 2, nhà F và Tầng 1, 2 nhà T

Điện thoại: (024) 38243325

Email: ttttv@hup.edu.vn

VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY

Địa chỉ: Tầng 2, nhà B1

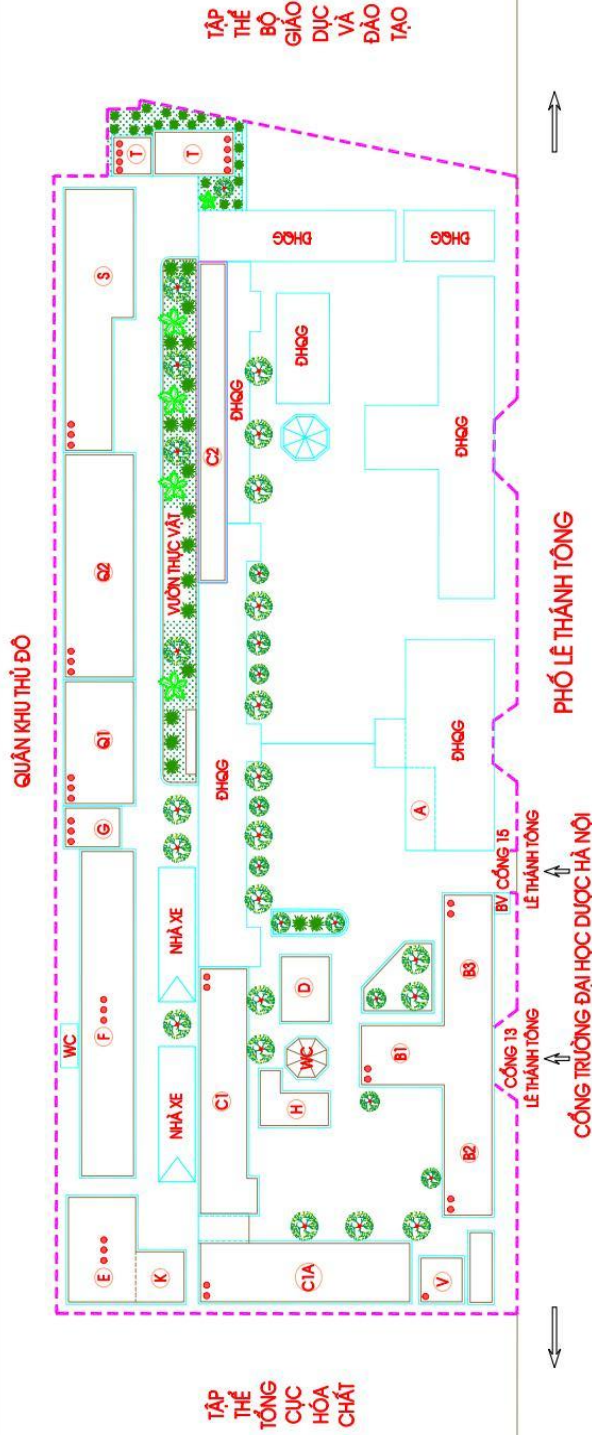
Điện thoại: 0386360682 (cô Tâm)

(Vui lòng liên hệ trong giờ hành chính)

CÁC TRANG THÔNG TIN HỌC VIÊN CẦN BIẾT

- Cổng thông tin Nhà trường: <https://www.hup.edu.vn/>
- Trang thông tin quản lý đào tạo của Nhà trường: <http://daotao.hup.edu.vn>
- Cổng thông tin học viên: <https://daotaosaudaihoc.hup.edu.vn>
- Trang thông tin của phòng CTHVSV-YT: <https://www.facebook.com/bangtinhup2>
- Link thủ tục online của Phòng CTHVSV-YT: <http://tinyurl.com/qlsvonline>

ĐỊA CHỈ: 13-15 LÊ THÁNH TỔNG - PHƯỜNG CỦA NAM - HÀ NỘI



QUẢN KHU THỦ ĐỒ

PHỐ LÊ THÁNH TÔNG

↑
↑
CỔNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HÀ NỘI

GHI CHÙ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HẢI NỘI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA

TÂN NHÃ A	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2
TÂN NHÃ B	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2
TÂN NHÃ C	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2
TÂN NHÃ D	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2
TÂN NHÃ E	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2
TÂN NHÃ F	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2
TÂN NHÃ G	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2
TÂN NHÃ H	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2
TÂN NHÃ I	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2
TÂN NHÃ J	thời 1	nhớ lại câu 1, câu 2
	thời 2	nhớ lại câu 1, câu 2

[illegible][illegible]

ĐƠN VỊ 01	Trần 1	CHỮA DƯỚI 44.6
	Trần 2	CHỮA DƯỚI 9.10, 11
	Trần 3	CHỮA DƯỚI 13.14, 15
	Trần 4	CHỮA DƯỚI 7.8
	Trần 5	CHỮA DƯỚI 12
ĐƠN VỊ 02	Trần 6	CHỮA DƯỚI 16, 17, 18, 19
	Trần 7	CHỮA DƯỚI 20
	Trần 8	CHỮA DƯỚI 21 VÀ 22
	Trần 9	CHỮA DƯỚI 23 VÀ 24
	Trần 10	CHỮA DƯỚI 25 VÀ 26
ĐƠN VỊ 03	Trần 11	CHỮA DƯỚI 27 VÀ 28
	Trần 12	CHỮA DƯỚI 29 VÀ 30
	Trần 13	CHỮA DƯỚI 31 VÀ 32
	Trần 14	CHỮA DƯỚI 33 VÀ 34
	Trần 15	CHỮA DƯỚI 35 VÀ 36
ĐƠN VỊ 04	Trần 16	CHỮA DƯỚI 37 VÀ 38
	Trần 17	CHỮA DƯỚI 39 VÀ 40
	Trần 18	CHỮA DƯỚI 41 VÀ 42
	Trần 19	CHỮA DƯỚI 43 VÀ 44
	Trần 20	CHỮA DƯỚI 45 VÀ 46

GIỚI THIỆU VỀ MỘT SỐ PHÒNG CHỨC NĂNG

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Phòng Quản lý Đào tạo có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong quản lý đào tạo đại học và sau đại học, trong đó các công tác của bộ phận đào tạo sau đại học như sau: xây dựng và quản lý chương trình đào tạo, giảng dạy cho các hệ, các khoá; quản lý giảng dạy; tổ chức thi và tổng hợp kết quả, quản lý kết quả học tập; quản lý công tác cấp phát bằng tiến sĩ, chuyên khoa, thạc sĩ; tuyển sinh... Một số hoạt động có liên quan trực tiếp tới học viên cao học:

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy, học tập chung cho từng khóa học, năm học, học kỳ, tổ chức các lớp học, lập thời khóa biểu, bố trí, điều hành tiến trình giảng dạy học tập. Bố trí giảng đường theo kế hoạch, thời khóa biểu, lịch thi;
- Xây dựng lịch thi, danh sách thi
- Quản lý kết quả học tập;
- Quản lý công tác chứng nhận kết quả học tập, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp cho học viên;
- Tham gia tiếp nhận học viên nước ngoài;
- Chuẩn bị và tổ chức lễ tốt nghiệp hàng năm;

PHÒNG CÔNG TÁC HỌC VIÊN, SINH VIÊN – Y TẾ

Phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện quản lý toàn diện người học và hoạt động Y tế trong Trường. Một số công việc cụ thể liên quan đến học viên cao học, sinh viên như sau:

- a) Công tác tổ chức, hành chính:
 - Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, bố trí sắp xếp học viên, sinh viên vào ở Khu nội trú theo quy định. Ổn định cơ cấu tổ lớp, chỉ định Ban cán sự lớp lâm thời. Cấp phát thẻ học viên, sinh viên và các giấy tờ xác nhận khác.
 - Thống kê, tổng hợp dữ liệu và quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến học viên, sinh viên; giải quyết các thủ tục hành chính đối với học viên, sinh viên theo quy định trong quá trình học tập.
 - Lập danh sách ngừng học, thôi học và tiếp tục vào học theo định kỳ và theo đề nghị của người học, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt và ra quyết định.
 - Theo dõi, thúc đẩy việc thu học phí và các khoản thu đúng hạn.
- b) Giáo dục tư tưởng chính trị cho người học
- c) Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá học viên, sinh viên
 - Theo dõi, đánh giá ý thức học tập; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên, phân loại, xếp loại người học theo quy định hiện hành;
 - Đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân học viên, sinh viên theo quy định;
 - Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định đối với học viên, sinh viên;

- Theo dõi, tham mưu và tổng hợp việc thi đua, khen thưởng và xử lý kỷ luật học viên, sinh viên theo quy định.

d) Công tác quản lý người học nội trú, ngoại trú

e) Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học

f) Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học

g) Thực hiện các dịch vụ hỗ trợ người học

h) Sử dụng và quản lý cơ sở vật chất trong Khu nội trú: sử dụng và quản lý các cơ sở vật chất, tài sản, công cụ được trang bị trong Khu nội trú theo đúng quy định. Định kỳ kiểm tra, đề xuất ý kiến bảo dưỡng, mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, tài sản nhằm đảm bảo nhu cầu làm việc và điều kiện sinh hoạt của người học trong Khu nội trú.

i) Công tác Y tế:

Trạm Y tế là nơi theo dõi, quản lý sức khỏe của sinh viên, học viên trong suốt thời gian học tập tại Trường và đảm bảo quyền lợi về y tế của sinh viên, học viên.

Một số quy định liên quan đến học viên:

- Học viên được tư vấn chăm sóc sức khỏe khi cần thiết.

- Quy định về theo dõi sức khỏe của học viên trong quá trình học tập:

+ Học viên đi khám, điều trị bệnh đúng tuyến tại nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu (ghi rõ trên thẻ BHYT).

+ Trạm Y tế khám, xử trí cấp cứu, cấp phát thuốc thông thường cho học viên khi bị ốm và hướng dẫn chuyển viện (đối với các trường hợp cần thiết).

+ Trường hợp học viên nghỉ học để điều trị hoặc khi đi thực tế bị ốm, phải có xác nhận của cơ sở y tế khám bệnh hoặc phải đến Trạm y tế nhà trường khám thì mới được Trạm Y tế xác nhận nghỉ ốm.

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG & KHẢO THÍ

Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức triển khai, quản lý công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng, thanh tra giám sát đào tạo trong Nhà trường. Một số công việc cụ thể liên quan đến sinh viên, học viên như sau:

- Tổ chức viết báo cáo tự đánh giá, cập nhật và lưu giữ số liệu thống kê và minh chứng liên quan đến tự đánh giá;

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn về khảo thí và đảm bảo chất lượng trên cơ sở các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định và kiểm định chất lượng;

- Tổ chức thi kết thúc học phần;

- Tổ chức chấm thi tập trung và chấm phúc khảo thi kết thúc học phần;

- Tổ chức thanh tra giám sát đào tạo và thanh tra thi;

- Tổ chức thu thập thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy, học phần, chương trình đào tạo, quản lý đào tạo, cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ người học; thu thập thông tin về việc làm của cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp 1 năm về tình hình việc làm và phản hồi về chương trình đào tạo tại Trường;

- Tổ chức lập kế hoạch, xây dựng chuẩn đầu ra các hệ đào tạo của Trường;

- Quản lý phối văn bằng chứng chỉ.

PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

Học viên đến Phòng Tổ chức - Hành chính để làm các thủ tục sau:

- Xác nhận cho học viên nhận bưu phẩm từ Bưu điện;
- Cấp giấy giới thiệu;
- Đóng dấu văn bản, giấy đi đường, xác nhận...
- Sao y văn bằng, bằng điểm, giấy tờ do Trường cấp.

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính kế toán là nơi quản lý và theo dõi tình hình thu nộp các khoản của người học như học phí, tiền ở khu nội trú, lệ phí thực tập lại, thực tập bù, bảo hiểm y tế...và thanh toán tiền học bổng, các khoản trợ cấp, chế độ khác cho người học. (Xem thêm Quy định về tài chính).

TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN

Trung tâm Thông tin - Thư viện trường Đại học Dược Hà Nội với nhiệm vụ: Tổ chức và quản trị hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường; Truyền thông và quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Trường; Cung cấp nguồn học liệu: sách, báo, tạp chí, thông tin, tư liệu,... cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, học viên trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Trung tâm Thông tin - Thư viện trường gồm:

1. Phòng đọc mở 1 (tầng 1, nhà T): Phục vụ mượn đọc tài liệu tại chỗ. Nguồn học liệu bao gồm: Khoá luận tốt nghiệp dược sĩ, Luận án tiến sĩ, tạp chí Việt.
2. Phòng đọc mở 2 (tầng 2, nhà T): Phục vụ mượn đọc tài liệu tại chỗ. Nguồn học liệu bao gồm: Sách tham khảo, luận văn thạc sĩ dược học, luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp II.

Lưu ý: Sinh viên, học viên xuất trình thẻ sinh viên, học viên cho cán bộ thư viện, không được mang túi, cặp, sách cá nhân, đồ ăn uống vào các phòng đọc mở. Nếu có nhu cầu mượn chìa khóa gửi đồ vui lòng liên hệ với cán bộ trực phòng đọc.

Thời gian mở cửa phòng đọc: Sáng: 8h-12h, Chiều: 13h-17h từ thứ 2 - thứ 6 hàng tuần.

3. Kho sách tham khảo: Phục vụ mượn đọc tại Phòng đọc mở 1, 2. Học viên, sinh viên muốn mượn đọc tài liệu tham khảo cần phải tra cứu mã xếp giá tài liệu trên mục "Thư mục" tại website: <http://thuvien.hup.edu.vn> sau đó viết phiếu mượn, trình cán bộ thư viện để thực hiện thủ tục mượn đọc tại các Phòng đọc mở 1, 2.

4. Kho Giáo trình (tầng 1, nhà T): Thực hiện nhiệm vụ xuất, bán giáo trình, tài liệu học tập cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên theo lịch phục vụ: sáng thứ 2, 4, 5 hàng tuần.

5. Website Thư viện: <http://thuvien.hup.edu.vn>.

- Sinh viên, học viên có thể tra cứu mã xếp giá của các tài liệu giấy lưu tại Thư viện tại mục "Thư mục".

- Sinh viên, học viên có thể đọc toàn văn tài liệu số tại mục “CSDL số” thông qua việc đăng nhập bằng tài khoản và mật khẩu nội bộ được Nhà trường cấp.

6. Bộ phận Công nghệ thông tin:

Nhà trường đã ứng dụng CNTT phục vụ học viên như: Cổng thông tin Đào tạo (<http://daotao.hup.edu.vn>); thư viện số, thư viện điện tử (<http://thuvien.hup.edu.vn>); email ([mail.hup.edu.vn](mailto:hup.edu.vn)); cổng thông tin học viên (<https://daotaosaudaihoc.hup.edu.vn>). Khi học viên nhập trường sẽ được cấp một tài khoản mail Office 365, tài khoản đó được dùng chung cho các ứng dụng thư viện số, email; học viên tự quản trị tài khoản của mình, hướng dẫn sử dụng tài khoản được đăng tại trang (<http://daotao.hup.edu.vn>). Tài khoản mail sẽ bị xóa khỏi hệ thống sau khi học viên tốt nghiệp hoặc thôi học 1 tháng. Riêng tài khoản truy cập Cổng thông tin học viên (<https://daotaosaudaihoc.hup.edu.vn>) do phòng Quản lý đào tạo (bộ phận Sau đại học) cấp cho học viên sau khi học viên nhập trường.

PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - HỢP TÁC PHÁT TRIỂN

1- Bộ phận Quản lý khoa học có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác tổ chức, quản lý và triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu khoa học với các tổ chức quốc tế, và công tác sở hữu trí tuệ của Trường.

Bộ phận Quản lý khoa học hỗ trợ học viên sau đại học tham gia Hội nghị, Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế như Hội nghị KHCN tuổi trẻ, Hội nghị AseanpharmNet ... Bên cạnh đó còn tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học định kỳ, tọa đàm, tập huấn về phương pháp nghiên cứu khoa học, công bố khoa học ... giúp học viên có cơ hội học hỏi, giao lưu kiến thức chuyên môn.

2- Bộ phận Hợp tác Phát triển có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu và tổ chức triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế và hợp tác trong nước trong xúc tiến phát triển mạng lưới đối tác trong và ngoài nước trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đối với học viên, Bộ phận Hợp tác Phát triển hỗ trợ trong việc tìm kiếm các thông tin về học bổng, các cơ hội đào tạo có yếu tố nước ngoài, thúc đẩy và tổ chức các hoạt động giao lưu học tập, hợp tác nghiên cứu của học viên phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

Chương trình Trao đổi học viên ngắn hạn: tùy theo điều kiện của từng chương trình/đối tác, hàng năm Nhà trường tổ chức các chương trình trao đổi học viên với các đối tác quốc tế trong và ngoài nước, bao gồm một số chương trình: chương trình trao đổi kỳ mùa xuân và kỳ mùa hè; chương trình nghiên cứu ngắn hạn, chương trình đồng hướng dẫn. Chương trình trao đổi học viên của Trường với các đối tác bao gồm: tiếp nhận học viên quốc tế đến thăm quan học tập, nghiên cứu ngắn hạn tại HUP; và gửi học viên của HUP đi thăm quan, giao lưu, học tập, nghiên cứu ngắn hạn tại các trường đối tác.

Điều kiện tham gia và quyền lợi của học viên HUP khi tham gia:

- Căn cứ vào thời gian và nội dung Chương trình, Nhà trường sẽ thông báo cho các lớp học viên có lịch trình học tập phù hợp;

- Tiêu chí lựa chọn dựa vào hồ sơ đăng ký, kết quả học tập, đề cương nghiên cứu và trình độ ngoại ngữ của học viên;

- Tùy thuộc tính chất của từng chương trình trao đổi, học viên tham dự sẽ được: (i) được xem xét công nhận tương đương điểm chuyên đề tự chọn, điểm thực tập và trải nghiệm nghề nghiệp tại Việt Nam tương ứng; (ii) được thực hiện 1 phần luận văn, luận án tại nước ngoài; (iv) được đăng ký khóa luận tốt nghiệp với sự tham gia đồng hướng dẫn của chuyên gia quốc tế; (v) được đăng ký bảo vệ khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh; (vi) Có cơ hội đồng công bố các bài báo quốc tế.

Đây là cơ hội tốt để học viên HUP được trải nghiệm học tập, nghiên cứu trong môi trường quốc tế, được giao lưu học hỏi với các bạn học viên quốc tế với mức kinh phí hợp lý.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

Trong quá trình học tập tại Trường, người học phải thực hiện các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường.

1. Quy định về dùng thẻ học viên

- Người học được Nhà trường cấp thẻ học viên khi vào học tại Trường, dùng để xác nhận học viên trong khi giao dịch với các đơn vị trong và ngoài trường và sử dụng trong quá trình học tập tại Trường.
- Học viên phải đeo thẻ khi đến Trường, khi tham gia các hoạt động học tập, thi cử và các hoạt động khác do Nhà trường tổ chức.
- Học viên có trách nhiệm giữ gìn thẻ học viên. Khi bị mất thẻ, học viên phải báo ngay cho Phòng Công tác học viên, sinh viên – y tế để cấp lại.
- Sau khi tốt nghiệp hoặc thôi học, học viên phải nộp lại thẻ học viên cho Nhà trường

2. Nội quy học tập tại giảng đường

- Tuân theo sự phân phối giảng đường như đã ghi trong thời khoá biểu, không được tự ý thay đổi. Khi cần sử dụng giảng đường để học bù hoặc phụ đạo, cán bộ lớp phải liên hệ với Phòng Quản lý Đào tạo để bố trí; khi cần dùng giảng đường để họp lớp, học ôn thi... phải liên hệ với Phòng Cơ sở vật chất – Vật tư trang thiết bị để sắp xếp.
- Cán bộ lớp cử người trực nhật từng buổi học, cử người xuống bộ phận quản lý giảng đường thuộc phòng Cơ sở vật chất-Vật tư trang thiết bị để ký sổ nhận micro, điều khiển và trả vào cuối buổi. Người trực nhật phải lau bảng, nhắc nhở vệ sinh chung, nhắc nhở kê bàn ghế ngay ngắn sau mỗi buổi học, tắt đèn, quạt khi ra về, quản lý trang thiết bị tại giảng đường trong suốt buổi học. Nếu có sự cố mất điện, hỏng đèn, quạt, bàn ghế... thì thông báo ngay cho phòng Cơ sở vật chất – Vật tư trang thiết bị hoặc cán bộ trông coi giảng đường; nếu thiết bị CNTT hỏng thì liên hệ với Trung tâm thông tin - Thư viện
- Trong giờ học, học viên ăn mặc gọn gàng, nghiêm túc. Khi giảng viên chưa đến hay không đến giảng vì bất kỳ lý do nào, lớp trưởng phải báo cáo với Phòng Quản lý Đào tạo để xin ý kiến.
- Trong giờ giảng, giảng viên là người điều hành duy nhất của lớp, học viên tập trung nghe giảng, không làm việc riêng, nói chuyện riêng. Khi cần ra ngoài hay phát biểu ý kiến phải được phép của giảng viên. Học viên phải tắt chuông, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác trong giờ học.
- Học viên phải nghiêm túc thực hiện nội quy giảng đường.

3. Nội quy thực tập tại phòng thí nghiệm

- Học viên phải chuẩn bị bài thực tập đầy đủ, đúng yêu cầu của bộ môn.
- Đi thực tập đúng giờ. Khi thực tập phải mặc áo blouse, mũ, khẩu trang theo quy định. Khi nhận dụng cụ, hoá chất thực tập nếu thấy hỏng hoặc thiếu phải báo ngay cho nhân viên phòng thí nghiệm.
- Phải đeo thẻ học viên trong thời gian thực tập. Nếu không mang thẻ học viên, học viên phải viết giấy cam đoan. Trong vòng 03 ngày sau khi thực tập, mang thẻ để xác nhận lại với giáo vụ bộ môn, nếu không kết quả thực tập sẽ không được công nhận.

- Trong khi thực tập tuyệt đối không tự do đi lại mất trật tự, làm ồn ào, không được ăn uống và hút thuốc. Muốn ra khỏi phòng thực tập phải được phép của giảng viên phụ trách.

- Thực tập theo đúng quy trình và phương pháp đã quy định, hướng dẫn. Không tự ý sử dụng các dụng cụ, hoá chất không thuộc bài thực tập hôm đó.

- Bảo vệ giữ gìn mọi dụng cụ thiết bị của phòng thí nghiệm, tiết kiệm điện, nước, hoá chất, thuốc thử. Nếu làm hỏng, vỡ dụng cụ phải báo cáo ngay với giảng viên hướng dẫn để lập biên bản và tùy theo mức độ sai sót sẽ bị xử lý.

- Khi thực tập xong phải làm vệ sinh chỗ thí nghiệm, rửa dụng cụ thực tập, bàn giao cho nhân viên phòng thí nghiệm, chấp hành đúng các quy định về báo cáo kết quả thực tập cho giáo viên hướng dẫn. Mỗi tổ hoặc nhóm thực tập phải cử người trực nhật để sắp xếp lại phòng thí nghiệm.

- Học viên không được thực tập hộ cho học viên khác.

- Học viên phải nghiêm túc thực hiện nội quy phòng thí nghiệm.

4. Quy định về nghỉ học của học viên

Trong thời gian học tập, ngoài những ngày nghỉ hè và Lễ, Tết theo quy định, học viên có thể được nghỉ học trong các trường hợp sau:

- Ốm: có xác nhận của Trạm Y tế hoặc các cơ sở y tế hợp pháp.

- Các trường hợp được Nhà trường hoặc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên cử đi thực hiện nhiệm vụ.

- Vì lý do cá nhân:

- + Bố mẹ đẻ, vợ, chồng, con ruột, bố mẹ vợ (hoặc chồng) qua đời;

- + Các trường hợp đặc biệt khác

Trong trường hợp trên, học viên làm đơn xin phép nghỉ trực tiếp hoặc thông qua cán bộ lớp và gửi cho Phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế để Nhà trường xem xét giải quyết. Chỉ khi được sự đồng ý của Phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế, việc nghỉ học của học viên mới được coi là nghỉ có phép.

Các trường hợp khác, học viên nghỉ học được coi là nghỉ học không phép và sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành về học tập và quản lý học viên.

5. Quy định về thực tập bù, thực tập lại

Học viên phải hoàn thành đạt yêu cầu các bài thực tập để đủ điều kiện thi hết học phần.

5.1. Thực tập lại:

- Học viên đã tham gia thực tập nhưng không đạt yêu cầu phải thực tập lại.

- Việc giải quyết thực tập lại do Bộ môn/Khoa phối hợp với Phòng TCKT.

- Lệ phí thực tập lại: 120.000 đ/bài.

5.2. Thực tập bù:

- Học viên không tham gia buổi thực tập theo kế hoạch của Nhà trường phải thực tập bù.

- **Quy trình giải quyết thực tập bù:** Học viên làm đơn xin thực tập bù (kèm minh chứng, nếu có) → Phòng CTHSV-YT xem xét, xác minh → Học viên nộp lệ phí tại

Phòng TCKT (nếu không được miễn) → Phòng CTHVSV-YT cấp giấy thực tập bù → Giáo vụ khoa giải quyết, bố trí thực tập bù cho học viên.

- Thời gian thực tập bù phải đảm bảo đầy đủ như một bài thực tập bình thường và chỉ giải quyết trong thời gian bộ môn có thực tập môn học.

- Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nghỉ thực tập, học viên phải làm đơn xin cấp giấy thực tập bù gửi Phòng CTHVSV-YT.

- Sau khi được cấp thực tập bù, học viên có trách nhiệm liên hệ với giáo vụ bộ môn để sắp xếp lịch thực tập bù.

- Khi giải quyết thực tập bù, giáo vụ khoa kiểm tra biên lai (nếu không được miễn), ghi rõ “Đã giải quyết” và ký tên lên biên lai trước khi trả lại cho học viên, lưu lại giấy thực tập bù và lập danh sách để quản lý. Lệ phí thực tập bù: 120.000 đ/bài.

- Các bộ môn không giải quyết cho học viên thực tập bù khi chưa có giấy thực tập bù của Phòng CTHVSV-YT và biên lai của Phòng TCKT (nếu không được miễn).

6. Quy định về thi hết học phần

* Quy định chung về thi hết học phần

- Học viên (HV) phải có mặt tại phòng thi trước giờ thi ít nhất **30** phút để làm thủ tục dự thi. HV đến chậm quá **15** phút sau khi phát đề thi học phần tự luận hoặc **5** phút sau khi phát đề thi học phần trắc nghiệm sẽ không được dự thi.

- Khi vào phòng thi, HV phải nghiêm túc tuân thủ các quy định sau:

- + Xuất trình thẻ HV để CBCT kiểm tra (không được dùng các loại thẻ khác thay thế). Trong trường hợp không có thẻ, HV phải viết giấy cam đoan, trong vòng 3 ngày làm việc HV phải mang thẻ đến phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí để hoàn tất thủ tục xác nhận. Nếu HV không tới trình thẻ, bài thi sẽ không được tính điểm.

- + Chỉ được mang vào phòng thi bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, máy tính điện tử không có thẻ nhớ, không có chức năng soạn thảo văn bản và các giáo trình, tài liệu (nếu đề thi cho phép).

- + Không được mang vào phòng thi các tài liệu (nếu đề thi không cho phép), máy vi tính xách tay, giấy than, bút xóa, phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm, ghi hình, thiết bị chứa thông tin có thể lợi dụng để làm bài thi và các vật dụng khác. Trường hợp đặc biệt, theo yêu cầu của đề thi, HV có thể được đưa vào phòng thi một số biểu bảng, tài liệu và máy tính để thuận lợi cho việc làm bài thi.

- + Trước khi làm bài thi HV phải ghi đầy đủ họ tên, mã HV vào giấy thi, giấy nháp và nhất thiết phải yêu cầu CBCT ký và ghi rõ họ tên vào giấy thi, giấy nháp.

- + Bài làm phải viết rõ ràng, sạch sẽ, không nhàu nát, không đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng. Nghiêm cấm làm bài thi bằng hai màu mực hoặc bằng bút màu đỏ. Phải bảo vệ bài làm của mình và nghiêm cấm mọi hành vi gian lận, không được xem bài của HV khác, không được trao đổi ý kiến, trao đổi tài liệu khi làm bài.

+ Phải giữ gìn trật tự trong phòng thi. Nếu cần hỏi CBCT điều gì phải hỏi công khai. Trường hợp HV bị đau ốm bất thường hoặc có nhu cầu chính đáng phải tạm thời ra khỏi phòng thi thì HV báo cho CBCT xử lý.

+ Khi hết giờ thi HV phải lập tức dừng làm bài và nộp bài thi theo yêu cầu của CBCT. Không làm được bài, HV cũng phải nộp bài thi. Khi nộp bài, HV phải tự ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên vào danh sách dự thi.

- Đối với những học phần thi tự luận, HV có thể nộp bài sớm và được ra khỏi phòng thi sau khi hết 2/3 thời gian làm bài. Đối với những học phần thi trắc nghiệm, HV không được phép rời phòng thi nếu chưa hết giờ thi và chưa được sự cho phép của cán bộ coi thi.

- Các trường hợp vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo các quy chế, quy định hiện hành. Đối với các hình thức vi phạm tương ứng với mức độ vi phạm bao gồm: Khiển trách (trừ 25% tổng số điểm bài thi); Cảnh cáo (trừ 50% tổng số điểm bài thi) và Đình chỉ thi (nhận 0 điểm cho bài thi).

*** Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

- Giữa hoặc cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những học viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần không đạt ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là 2 tuần sau kỳ thi chính.

- Học viên có trách nhiệm kiểm tra lại lịch thi, số báo danh, giảng đường thi từng môn của mình trước ngày thi tối thiểu 02 ngày làm việc. Nếu không có tên trong danh sách thi, học viên phải liên hệ phòng Quản lý Đào tạo để kiểm tra và được giải đáp thắc mắc trước ngày thi.

- Học viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 (không) ở kỳ thi chính. Những học viên này được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

- Học viên vắng mặt có lý do chính đáng (có đơn xin phép và kèm minh chứng (nếu có) nộp tại phòng Quản lý đào tạo) ở kỳ thi chính, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những học viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau.

- Trường hợp học viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần hoặc điểm học phần không đạt phải thi lần 2 cần theo dõi thông báo lịch thi lần 2, danh sách thi và thực hiện theo hướng dẫn của phòng Quản lý đào tạo. Nếu không có tên trong danh sách thi, học viên phải liên hệ phòng Quản lý Đào tạo để kiểm tra và được giải đáp thắc mắc trước ngày thi.

*** Công bố và theo dõi kết quả thi:**

Điểm thi kết thúc học phần được công bố như sau:

- Đối với hình thức thi trắc nghiệm, thi vấn đáp: HV được công bố điểm thi ngay sau khi kết thúc ca thi/buổi thi.

- Đối với hình thức thi tự luận: HV được công bố điểm thi trong vòng 10 ngày làm việc sau ngày thu bài thi.

- Đối với các hình thức thi khác (tiểu luận, báo cáo, bài tập lớn, dự án...): HV được công bố điểm trong vòng 15 ngày làm việc sau ngày thu bài thi.

Quy trình phúc khảo bài thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận:

Học viên có nguyện vọng phúc khảo bài thi kết thúc học phần tự luận cần thực hiện theo quy định của Nhà trường:

- HV nộp lệ phí phúc khảo qua tài khoản: Trường Đại học Dược Hà Nội (Số Tài khoản: 1600.2888.66; Ngân hàng: BIDV chi nhánh sở giao dịch 3).

+ Số tiền phúc khảo cho 01 học phần hệ Sau đại học là: 150.000Đ

+ Nội dung chuyển khoản: **MHV.Họ và tên.PK Tên học phần phúc khảo.Học kỳ....**
(VD: 2101001.Nguyen Van A.PK Triết học.HK1).

+ HV chụp lại màn hình giao dịch thành công.

- HV thực hiện phúc khảo trực tuyến tại website daotao.hup.edu.vn; theo đường link tại mục Đảm bảo chất lượng và Khảo thí – Phúc khảo bài thi – Đơn phúc khảo. HV chọn đúng link theo từng học kỳ, năm học tương ứng.

- Thời hạn phúc khảo: Nộp đơn trong vòng 07 ngày làm việc sau khi công bố điểm thi; kết quả phúc khảo được công bố sau 13 ngày làm việc từ ngày có kết quả điểm thi.

- Kết quả phúc khảo được công bố trên trang đào tạo của Nhà trường, Mục Đảm bảo chất lượng và Khảo thí – Phúc khảo bài thi – Kết quả phúc khảo.

- HV/SV sẽ được hoàn lệ phí phúc khảo đã nộp nếu có sự thay đổi điểm.

7. Nhận/trả các giấy tờ xác nhận học viên:

- Học viên làm đơn xin xác nhận online theo các mục tương ứng với yêu cầu cần xác nhận tại link <http://tinyurl.com/qlsvonline>

- Sau 03 ngày làm việc (không kể ngày thứ 7, chủ nhật, ngày lễ), học viên nhận lại giấy tờ đã được xác nhận tại Phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế.

8. Quy định về tài chính:

*** Quy định chung:**

- Học viên phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà trường. Các trường hợp đặc biệt có thể xin gia hạn thời gian đóng học phí (nộp đơn muộn nhất 15 ngày trước khi đến hạn) cho Phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế để phòng tổng hợp và ra thông báo danh sách học viên được gia hạn.

- Học viên ở Khu nội trú: Từng quý, Ban quản lý KNT thông báo cho các phòng tiền điện, tiền nước đã sử dụng thực tế. Khoản tiền này được nộp theo phòng, muộn nhất 07 ngày sau khi có thông báo.

Khi không ở KNT nữa, học viên phải viết giấy báo ra KNT gửi Ban quản lý KNT (nếu không vẫn bị tính phí KNT).

- Thu tiền điện sử dụng điều hòa tại giảng đường:

Định kỳ 3 tháng/lần, Phòng CSVC-VTTTB lập danh sách học viên phải nộp tiền điện gửi cho Phòng CTHSV-YT để thông báo cho học viên biết và gửi cho Phòng TCKT để thực hiện thu. Thời gian thu và hình thức thu được quy định cụ thể như sau:

Đợt	Tiền điện tiêu thụ các tháng	Thời hạn P.QLCSVC gửi danh sách	HV nộp trực tiếp vào tài khoản của Trường
1	Tháng 2,3,4	Ngày 9/5	Trước 16h ngày 12/5
2	Tháng 5,6,7	Ngày 9/8	Trước 16h ngày 12/8
3	Tháng 8,9,10	Ngày 9/11	Trước 16h ngày 12/11
4	Tháng 11,12,1	Ngày 9/2	Trước 16h ngày 12/2

*** Hình thức và thời gian thu các khoản:**

- Đối với khoản thu học phí, tiền ở khu nội trú: Học viên chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản Nhà trường.

- Đối với các khoản lệ phí học lại, tiền điện điều hòa tại giảng đường: Học viên chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản Nhà trường theo từng đợt, sẽ có thông báo về thời gian cụ thể của từng đợt.

- Đối với các khoản lệ phí thi lại, thực tập lại, lệ phí thực tập bù, phúc khảo, tiền điện, nước đối với học viên ở Khu nội trú: Học viên chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản Nhà trường theo từng lần phát sinh.

Lịch tiếp học viên, sinh viên từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định chung) tại Phòng Tài chính kế toán tầng 1 nhà B2.

Buổi sáng: từ 8h00 đến 11h30

Buổi chiều: từ 14h00 đến 16h30

Thông tin tài khoản để học viên chuyển khoản:

Chủ tài khoản : Trường Đại học Dược Hà Nội

Số tài khoản: 1600.2888.66

Tại ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Sở giao dịch 3

Nội dung chuyển khoản: *Họ tên HV, MHVmã học viên, Khoản nộp*

VD: Nguyễn Văn A, MHV2411001, HPHI

Ghi chú:

+ Đối với khoản nộp, học viên viết tắt tên khoản nộp theo quy định sau:

Học phí: HPHI Thực tập bù: TTBU

Tiền ở Khu nội trú: KTXA Thực tập lại: TLAI

Thi lại: THLA Phúc tra: PTRÁ

Chương trình trao đổi CTTD

+ Khi học viên chuyển khoản 1 lần cho nhiều khoản nộp, trong nội dung chuyển khoản học viên phải ghi chi tiết từng khoản nộp, số tiền của từng khoản để Phòng TCKT cập nhật đúng số đã nộp của học viên theo từng khoản nộp.

Ví dụ: Nguyễn Văn A, MHV2411001, HPHI 41.400.000, TTBU 120.000

CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

I. Ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 749 /QĐ-DHN, ngày 04 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Tên ngành đào tạo: Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1. Năng lực người học cần đạt khi tốt nghiệp

- Luận giải và vận dụng được cơ sở lý luận triết học, triết học Mác - Lênin và các nguyên lý của quản trị trong hoạt động nghề nghiệp.
- Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương và sử dụng hiệu quả tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.
- Tổ chức, triển khai thực hiện một số hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động chuyên môn và đề xuất, thực hiện những cải tiến có giá trị đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo, thảo luận và xử lý tình huống trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên môn một cách chuyên nghiệp.
- Vận dụng được kiến thức chuyên môn sâu về các kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong tổ chức, triển khai, nghiên cứu phát triển, sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí công tác có yêu cầu sử dụng thạc sĩ ngành Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc trong các cơ quan quản lý, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm.
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.
- Tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
- Có khả năng theo học chương trình đào tạo tiến sĩ dược học, chuyên khoa sâu và các ngành khác liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Hải Nam

II. Ngành Dược lý- Dược lâm sàng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 749 /QĐ-DHN, ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Tên ngành đào tạo: Dược lý và Dược lâm sàng

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ (gồm 02 định hướng: nghiên cứu và ứng dụng)

1. Năng lực người học cần đạt khi tốt nghiệp

- Luận giải và vận dụng được cơ sở lý luận triết học, triết học Mác - Lênin và các nguyên lý của quản trị trong hoạt động nghề nghiệp.
- Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương và sử dụng hiệu quả tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.
- Tổ chức, triển khai thực hiện một số hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động chuyên môn và đề xuất, thực hiện những cải tiến có giá trị đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo, thảo luận và xử lý tình huống trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên môn một cách chuyên nghiệp.
- Định hướng nghiên cứu: *Vận dụng các kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng về nghiên cứu tiền lâm sàng và lâm sàng trong lĩnh vực dược lý, dược lâm sàng.*
- Định hướng ứng dụng: *Vận dụng các kiến thức chuyên môn sâu trong thực hành lĩnh vực dược lý dược lâm sàng.*

2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí công tác có yêu cầu sử dụng thạc sĩ ngành Dược lý - Dược lâm sàng trong các cơ quan quản lý, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm.
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.
- Tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
- Có khả năng theo học chương trình đào tạo tiến sĩ dược học, chuyên khoa sâu và các ngành khác liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Hải Nam

III. Ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 749 /QĐ-DHN, ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Tên ngành đào tạo: Dược liệu - Dược học cổ truyền

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1. Năng lực người học cần đạt khi tốt nghiệp

- Luận giải và vận dụng được cơ sở lý luận triết học, triết học Mác - Lênin và các nguyên lý của quản trị trong hoạt động nghề nghiệp.
- Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương và sử dụng hiệu quả tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.
- Tổ chức, triển khai thực hiện một số hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động chuyên môn và đề xuất, thực hiện những cải tiến có giá trị đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo, thảo luận và xử lý tình huống trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên môn một cách chuyên nghiệp.
- Vận dụng được các kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng trong nghiên cứu phát triển cây thuốc, dược liệu, thuốc cổ truyền; đảm bảo chất lượng dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền và các sản phẩm khác có nguồn gốc dược liệu; hướng dẫn sử dụng thuốc cổ truyền.

2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí công tác có yêu cầu sử dụng thạc sĩ ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền trong các cơ quan quản lý, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm.
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.
- Tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
- Có khả năng theo học chương trình đào tạo tiến sĩ dược học, chuyên khoa sâu và các ngành khác liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Hải Nam

IV. Ngành Hóa sinh dược

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 749 /QĐ-DHN, ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Tên ngành đào tạo: Hóa sinh Dược

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1. Năng lực người học cần đạt khi tốt nghiệp

- Luận giải và vận dụng được cơ sở lý luận triết học, triết học Mác - Lênin và các nguyên lý của quản trị trong hoạt động nghề nghiệp.
- Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương và sử dụng hiệu quả tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.
- Tổ chức, triển khai thực hiện một số hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động chuyên môn và đề xuất, thực hiện những cải tiến có giá trị đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo, thảo luận và xử lý tình huống trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên môn một cách chuyên nghiệp.
- Vận dụng các kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng thực hành về hóa sinh, sinh học phân tử và công nghệ sinh học ứng dụng trong các lĩnh vực liên quan đến nghiên cứu phát triển thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng; phát triển và sử dụng các xét nghiệm lâm sàng; sử dụng an toàn, hợp lý, hiệu quả đối với thuốc, sản phẩm dinh dưỡng, mỹ phẩm.

2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí công tác có yêu cầu sử dụng thạc sĩ ngành Hóa sinh Dược trong các cơ quan quản lý, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm.
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.
- Tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
- Có khả năng theo học chương trình đào tạo tiến sĩ dược học, chuyên khoa sâu và các ngành khác liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Hải Nam

V. Ngành Kiểm nghiệm thuốc & Độc chất

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 749 /QĐ-DHN, ngày 04 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)*

Tên ngành đào tạo: Kiểm nghiệm thuốc & Độc chất

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1. Năng lực người học cần đạt khi tốt nghiệp

- Luận giải và vận dụng được cơ sở lý luận triết học, triết học Mác - Lênin và các nguyên lý của quản trị trong hoạt động nghề nghiệp.
- Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương và sử dụng hiệu quả tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.
- Tổ chức, triển khai thực hiện một số hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động chuyên môn và đề xuất, thực hiện những cải tiến có giá trị đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo, thảo luận và xử lý tình huống trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên môn một cách chuyên nghiệp.
- Vận dụng kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng thực hành các kỹ thuật phân tích hiện đại trong nghiên cứu, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, độc chất và môi trường; xây dựng quy trình quản lý chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.

2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí công tác có yêu cầu sử dụng thạc sĩ ngành Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất trong các cơ quan quản lý, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm.
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.
- Tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
- Có khả năng theo học chương trình đào tạo tiến sĩ dược học, chuyên khoa sâu và các ngành khác liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Hải Nam

VI. Ngành Tổ chức quản lý dược

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 749 /QĐ-DHN, ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Tên ngành đào tạo: Tổ chức quản lý dược

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1. Năng lực người học cần đạt khi tốt nghiệp

- Luận giải và vận dụng được cơ sở lý luận triết học, triết học Mác - Lênin và các nguyên lý của quản trị trong hoạt động nghề nghiệp.
- Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương và sử dụng hiệu quả tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.
- Tổ chức, triển khai thực hiện một số hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động chuyên môn và đề xuất, thực hiện những cải tiến có giá trị đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo, thảo luận và xử lý tình huống trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên môn một cách chuyên nghiệp.
- Vận dụng các kiến thức chuyên môn sâu về quản lý và kinh tế y tế để nâng cao hiệu quả hoạt động tại các đơn vị và tư vấn xây dựng chính sách trong lĩnh vực dược.

2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí công tác có yêu cầu sử dụng thạc sĩ ngành Tổ chức quản lý dược trong các cơ quan quản lý, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm.
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.
- Tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
- Có khả năng theo học chương trình đào tạo tiến sĩ dược học, chuyên khoa sâu và các ngành khác liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Hải Nam

VII. Ngành Hóa dược

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 820 /QĐ-DHN, ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Tên ngành đào tạo: Hóa dược

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1. Năng lực người học cần đạt khi tốt nghiệp

- Luận giải và vận dụng được cơ sở lý luận triết học, triết học Mác - Lênin và các nguyên lý của quản trị trong hoạt động nghề nghiệp.
- Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương và sử dụng hiệu quả tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.
- Tổ chức, triển khai thực hiện một số hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động chuyên môn và đề xuất, thực hiện những cải tiến có giá trị đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo, thảo luận và xử lý tình huống trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên môn một cách chuyên nghiệp.
- Vận dụng được kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng trong nghiên cứu phát triển nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí công tác có yêu cầu sử dụng thạc sĩ ngành Hóa dược trong các cơ quan quản lý, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm.
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.
- Tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
- Có khả năng theo học chương trình đào tạo tiến sĩ dược học, chuyên khoa sâu và các ngành khác liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Hải Nam

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Chương trình đào tạo tiến sĩ

Gồm 7 ngành

Mã số	Tên ngành
9720202	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
9720203	Hóa dược
9720205	Dược lý và dược lâm sàng
9720206	Dược liệu - Dược học cổ truyền
9720208	Hóa sinh dược
9720210	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
9720212	Tổ chức quản lý dược

Đối tượng đào tạo:

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ; Có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ.

Hình thức đào tạo:

Tập trung, 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 04 năm đối với người tốt nghiệp đại học.

1.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ

Gồm 7 ngành

Mã số	Tên ngành
8720202	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
8720203	Hóa dược
8720205	Dược lý và dược lâm sàng
8720206	Dược liệu - Dược học cổ truyền
8720208	Hóa sinh dược
8720210	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
8720212	Tổ chức quản lý dược

Đối tượng đào tạo:

Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu đang triển khai tại Trường yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu..

Hình thức đào tạo:

Tập trung theo tín chỉ: Thời gian từ 1 -2 năm

1.3. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

Gồm 7 chuyên ngành

Mã số	Tên chuyên ngành
CK62720402	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
CK62720403	Hóa dược
CK62720405	Dược lý và dược lâm sàng
CK62720406	Dược học cổ truyền
CK62720408	Hóa sinh dược
CK62720410	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
CK62720412	Tổ chức quản lý dược

* Các chuyên ngành/ngành tuyển sinh (năm 2025) gồm: Dược lý và dược lâm sàng; Tổ chức quản lý dược.

Đối tượng đào tạo:

Có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc bằng Thạc sĩ dược học đúng chuyên ngành hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi.

Đối với người có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

Đối với người có bằng Thạc sĩ dược học: Có ít nhất 36 tháng công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi kể từ khi tốt nghiệp.

Hình thức đào tạo:

Tập trung theo tín chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài không quá 4 năm.

1.4. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

Gồm 6 chuyên ngành

Mã số	Tên chuyên ngành
CK 60720402	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
CK 60720405	Dược lý và dược lâm sàng
CK 60720406	Dược học cổ truyền
CK 60720408	Hóa sinh dược
CK 60720410	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
CK 60720412	Tổ chức quản lý dược

* Các chuyên ngành tuyển sinh (năm 2025) gồm: Dược lý và dược lâm sàng; Tổ chức quản lý dược.

Đối tượng đào tạo:

Có bằng tốt nghiệp đại học dược, có thời gian công tác liên tục trong lĩnh vực y tế ít nhất 12 tháng (tính từ ngày có Quyết định tốt nghiệp đến ngày dự thi).

Hình thức đào tạo:

Tập trung theo chứng chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài từ 3 đến 4 năm.

1.5. Đào tạo liên tục

Ngoài các loại hình đào tạo chính quy, công tác đào tạo liên tục trong Nhà trường ngày càng được mở rộng, đáp ứng nhu cầu xã hội. Hàng năm, Nhà trường tổ chức

nhiều lớp tập huấn, hội thảo do các giảng viên Việt Nam, chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy về các lĩnh vực trong ngành Dược.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ DƯỢC HỌC

1. Đào tạo ngành Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc (Mã số: 8720202)

1.1. Kiến thức chung và cơ sở ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
	MC	CÁC MÔN CHUNG	3				
1	MC101	Triết học	3	33	0	0	12
	CS	CÁC MÔN CƠ SỞ	20				
1	BB	Phần bắt buộc	12				
1.1	CS103	Quản trị học	2	22	0	0	8
1.2	CS104	Phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới	2	30	0	0	0
1.3	CS105	Phân tích dụng cụ	2	28	0	0	2
1.4	CS106	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	26	0	0	4
1.5	CS107	Sinh dược học bào chế	2	30	0	0	0
1.6	CS108	Thống kê sinh học	2	20	0	10	0
2	TC	Phần tự chọn	8				
2.1	CS101	Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	2	30	0	0	0
2.2	CS102	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng dược liệu	2	30	0	0	0
2.3	CS201	Cảnh giác Dược	2	20	0	0	10
2.4	CS203	Gen dược học	2	28	0	0	2
2.5	CS204	Gốc tự do và các chất chống oxy hóa	2	25	5	0	0
2.6	CS206	Hóa trị liệu	2	26	0	0	4
2.7	CS207	Mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc	2	22	0	0	8
2.8	CS208	Ứng dụng phức chất trong Y – Dược học	2	25	5	0	0
2.9	CS209	Dịch tễ dược nâng cao	2	22	0	0	8
2.10	CS210	Sinh học phân tử	2	30	0	0	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
2.11	CS211	Sở hữu trí tuệ trong ngành dược	2	26	0	0	4
2.12	CS212	Ứng dụng phương pháp phổ trong phân tích cấu trúc	2	10	0	20	0

1.2. Kiến thức ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
		Phần bắt buộc	14				
1	CB102	Kỹ thuật sản xuất một số nguyên liệu làm thuốc	2	30	0	0	0
2	CB103	Nghiên cứu và phát triển thuốc thành phẩm	2	16	4	6	4
3	CB104	Chuyên đề nghiên cứu 1: Xây dựng đề cương luận văn	3	0	45	0	0
4	CB105	Chuyên đề nghiên cứu 2: Công nghệ nano và micro ứng dụng trong dược phẩm, mỹ phẩm	3	12	33	0	0
5	CB201	Chuyên đề nghiên cứu 3: Cơ sở kỹ thuật tổng hợp hóa dược	2	8	22	0	0
6	CB106	Chuyên đề nghiên cứu 4: Tá dược polyme (Báo cáo bằng tiếng Anh)	2	8	10	0	12
		Phần tự chọn	8				
1	CB202	Động học giải phóng thuốc	2	20	6	0	4
2	CB203	Hệ trị liệu qua da	2	25	2	0	3
3	CB204	Kỹ thuật bào chế pellet	2	14	0	12	4
4	CB205	Kỹ thuật bao ứng dụng trong công nghệ dược phẩm	2	22	0	0	8
5	CB206	Một số phương pháp chiết xuất hiện đại.	2	22	0	0	8
6	CB209	Sản xuất sinh phẩm và dược phẩm bằng công nghệ sinh học	2	22	0	0	8
7	CB207	Tổng hợp các thuốc hormon	2	20	0	0	10
8	CB208	Kỹ thuật sản xuất các vitamin	2	20	0	0	10
9	CB219	Một số công nghệ tạo hạt tiên tiến	2	22	0	0	8

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
		trong sản xuất dược phẩm					
10	CB220	Độ ổn định của thuốc	2	18	0	8	4
11	CB221	Thuốc giải phóng kéo dài dùng qua đường tiêu hóa	2	24	0	0	6
12	CB222	Nâng quy mô và thẩm định quy trình sản xuất thuốc thành phẩm	2	30	0	0	0
13	CB223	Viên đặc biệt *	2	18	6	0	6
14	CB224	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ dược phẩm *	2	20	0	0	10

*: Các học phần được chuyển đổi từ CTĐT dược sĩ đại học

2. Đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng (Mã số: 8720205)

2.1. Kiến thức chung và cơ sở ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
	MC	CÁC MÔN CHUNG	3				
1	MC101	Triết học	3	33	0	0	12
	CS	CÁC MÔN CƠ SỞ	20				
1	BB	Phần bắt buộc	12				
1.1	CS101	Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	2	30	0	0	0
1.2	CS103	Quản trị học	2	22	0	0	8
1.3	CS104	Phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới	2	30	0	0	0
1.4	CS106	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	26	0	0	4
1.5	CS107	Sinh dược học bào chế	2	30	0	0	0
1.6	CS108	Thống kê sinh học	2	20	0	10	0
2	TC	Phần tự chọn	8				
2.1	CS102	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng dược liệu	2	30	0	0	0
2.2	CS105	Phân tích dụng cụ	2	28	0	0	2
2.3	CS201	Cảnh giác Dược	2	20	0	0	10

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
2.4	CS203	Gen dược học	2	28	0	0	2
2.5	CS204	Gốc tự do và các chất chống oxy hóa	2	25	5	0	0
2.6	CS206	Hóa trị liệu	2	26	0	0	4
2.7	CS207	Mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc	2	22	0	0	8
2.8	CS208	Ứng dụng phức chất trong Y – Dược học	2	25	5	0	0
2.9	CS209	Dịch tễ dược nâng cao	2	22	0	0	8
2.10	CS210	Sinh học phân tử	2	30	0	0	0
2.11	CS211	Sở hữu trí tuệ trong ngành dược	2	26	0	0	4
2.12	CS212	Ứng dụng phương pháp phổ trong phân tích cấu trúc	2	10	0	20	0

2.2. Kiến thức ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
		Phần bắt buộc	14				
1	LS101	Chăm sóc dược	2	26	0	4	0
2	LS102	Dược lý phân tử	2	26	0	0	4
3	LS103	Chuyên đề nghiên cứu 1: Xây dựng đề cương luận văn thạc sỹ	3	0	45	0	0
4	LS104	Chuyên đề nghiên cứu 2: Định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực dược lâm	3	12	33	0	0
5	LS105	Chuyên đề nghiên cứu 3: Nghiên cứu dược lý trong phát triển thuốc	2	8	22	0	0
6	LS106	Chuyên đề nghiên cứu 4: Nghiên cứu về dược động học/dược lực học hướng tới tối ưu hóa chế độ liều (Báo cáo bằng tiếng Anh)	2	8	22	0	0
		Phần tự chọn	8				
1	LS201	Thông tin thuốc trong thực hành lâm	2	16	0	12	2
2	LS202	Dược động học lâm sàng	2	20	0	10	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
3	LS204	Nguyên tắc dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh ¹	2	24	0	0	6
4	LS205	Phản ứng có hại của thuốc và giám sát trong thực hành dược lâm sàng ²	2	20	0	0	10
5	LS207	Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh chuyên khoa ³	2	24	0	0	6
6	LS208	Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh xã hội	2	30	0	0	0
7	LS209	Phương pháp nghiên cứu dược lý tế bào và phân tử	2	22	0	0	8
8	LS211	Đánh giá sử dụng thuốc trong bệnh viện	2	12	0	10	8
9	LS212	Quản lý tương tác thuốc và sai sót liên quan đến thuốc trong thực hành lâm sàng	2	22	0	8	0
10	QL101	Nghiên cứu hệ thống y tế	2	24	0	0	6
11	QL205	Quản lý dược bệnh viện	2	24	0	0	6
12	HS201	Biện luận kết quả xét nghiệm hóa sinh	2	16	0	0	14
13	LS213	Thiết kế thử nghiệm lâm sàng áp dụng trong nghiên cứu phát triển	2	24	0	0	6

3. Đào tạo ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền (Mã số: 8720206)

3.1. Kiến thức chung và cơ sở ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
	MC	KIẾN THỨC CHUNG	3				
1	MC101	Triết học	3	33	0	0	12
	CS	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	20				
1	BB	Phần bắt buộc	12				
1.1	CS102	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng dược liệu	2	30	0	0	0
1.2	CS103	Quản trị học	2	22	0	0	8

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
1.3	CS104	Phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới	2	30	0	0	0
1.4	CS105	Phân tích dụng cụ	2	28	0	0	2
1.5	CS106	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	26	0	0	4
1.6	CS108	Thống kê sinh học	2	20	0	10	0
2	TC	Phần tự chọn	8				
2.1	CS101	Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	2	30	0	0	0
2.2	CS107	Sinh dược học bào chế	2	30	0	0	0
2.3	CS201	Cảnh giác Dược	2	20	0	0	10
2.4	CS203	Gen dược học	2	28	0	0	2
2.5	CS204	Gốc tự do và các chất chống oxy hóa	2	25	5	0	0
2.6	CS206	Hóa trị liệu	2	26	0	0	4
2.7	CS207	Mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc	2	22	0	0	8
2.8	CS208	Ứng dụng phức chất trong Y – Dược học	2	25	5	0	0
2.9	CS209	Dịch tễ dược nâng cao	2	22	0	0	8
2.10	CS210	Sinh học phân tử	2	30	0	0	0
2.11	CS211	Sở hữu trí tuệ trong ngành dược	2	26	0	0	4
2.12	CS212	Ứng dụng phương pháp phổ trong phân tích cấu trúc	2	10	0	20	0

3.2. Kiến thức ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
		Phần bắt buộc	14				
	DL101	Đảm bảo chất lượng dược liệu và thuốc dược liệu	2	20	0	8	2
	DL102	Sử dụng thuốc cổ truyền an toàn, hiệu quả theo hướng hiện đại	2	24	0	0	6
	DL104	Chuyên đề nghiên cứu 1: Xây dựng	3	0	45	0	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
		đề cương luận văn Thạc sỹ					
	DL105	Chuyên đề nghiên cứu 2: Nghiên cứu vị thuốc và bài thuốc cổ truyền (Báo cáo bằng tiếng Anh)	3	12	33	0	0
	DL106	Chuyên đề nghiên cứu 3: Các chất dẫn đường và thuốc điều trị có nguồn gốc tự nhiên	2	8	22	0	0
	DL107	Chuyên đề nghiên cứu 4: Nghiên cứu chuỗi giá trị thảo dược	2	8	22	0	0
		Phần tự chọn	8				
1	DL103	Tài nguyên cây thuốc	2	20	0	10	0
2	DL202	Phức chế thuốc cổ truyền	2	18	0	12	0
3	DL204	Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc	2	26	0	0	4
4	DL207	Kỹ thuật nuôi cấy mô trong phát triển cây thuốc	2	24	0	6	0
5	DL208	Phân lập hợp chất tự nhiên	2	30	0	0	0
6	DL209	Phương pháp phân loại thực vật	2	22	0	8	0
7	DL210	Thiết kế phương thuốc	2	20	0	0	10
8	DL211	Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng dược liệu	2	30	0	0	0
9	DL213	Một số kỹ thuật hiển vi trong nghiên cứu dược liệu	2	30	0	0	0
10	DL214	Cây thuốc trong phát triển nền kinh tế thảo dược	2	22	0	0	8
11	CB206	Một số phương pháp chiết xuất hiện đại	2	22	0	0	8
12	CS207	Mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc	2	22	0	0	8
13	DL215	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc*	2	28	0	0	2
14	DL216	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu*	2	16	0	14	0
15	DL217	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở Việt Nam*	2	30	0	0	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
16	DL218	Phương thuốc cổ truyền*	2	22	0	0	8
17	DL219	Dược lý dược cổ truyền*	2	22	0	0	8
18	DL220	Trồng và phát triển cây thuốc*	2	24	0	6	0
19	DL221	Thực vật dân tộc học ứng dụng*	2	26	0	4	0
20	DL222	Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc từ dược liệu*	2	20	0	10	0

* Học phần số 13-20 là các học phần trong chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Dược học, định hướng Dược liệu – Dược học cổ truyền được đề xuất công nhận điểm cho chương trình Thạc sĩ ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền phân tự chọn.

4. Đào tạo ngành Hóa sinh dược (Mã số: 8720208)

4.1. Kiến thức chung và cơ sở ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
	MC	CÁC MÔN CHUNG	3				
1	MC101	Triết học	3	33	0	0	12
	CS	CÁC MÔN CƠ SỞ	20				
1	BB	Phần bắt buộc	12				
1.1	CS101	Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	2	30	0	0	0
1.2	CS103	Quản trị học	2	22	0	0	8
1.3	CS104	Phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới	2	30	0	0	0
1.4	CS106	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	26	0	0	4
1.5	CS107	Sinh dược học bào chế	2	30	0	0	0
1.6	CS108	Thống kê sinh học	2	20	0	10	0
2	TC	Phần tự chọn	8				
2.1	CS102	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng dược liệu	2	30	0	0	0
2.2	CS105	Phân tích dụng cụ	2	28	0	0	2
2.3	CS201	Cảnh giác Dược	2	20	0	0	10

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
2.4	CS203	Gen dược học	2	28	0	0	2
2.5	CS204	Gốc tự do và các chất chống oxy hóa	2	25	5	0	0
2.6	CS206	Hóa trị liệu	2	26	0	0	4
2.7	CS207	Mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc	2	22	0	0	8
2.8	CS208	Ứng dụng phức chất trong y – Dược học	2	25	5	0	0
2.9	CS209	Dịch tễ dược nâng cao	2	22	0	0	8
2.10	CS210	Sinh học phân tử	2	30	0	0	0
2.11	CS211	Sở hữu trí tuệ trong ngành dược	2	26	0	0	4
2.12	CS212	Ứng dụng phương pháp phổ trong phân tích cấu trúc	2	10	0	20	0

4.2. Kiến thức ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
		Phần bắt buộc	14				
1	HS101	Hóa sinh nâng cao	2	30	0	0	0
2	HS102	Các kỹ thuật cơ bản của sinh học phân tử	2	22	0	8	0
3	HS103	Chuyên đề nghiên cứu 1. Xây dựng đề cương luận văn Thạc sĩ	3	0	45	0	0
4	HS104	Chuyên đề nghiên cứu 2: Nghiên cứu tác dụng của thuốc trên các đích phân tử (Báo cáo bằng tiếng Anh)	2	8	22	0	0
5	HS105	Chuyên đề nghiên cứu 3: Chất chỉ điểm sinh học trong chẩn đoán, tiên lượng, theo dõi điều trị bệnh	2	8	22	0	0
6	HS106	Chuyên đề nghiên cứu 4: Nghiên cứu và phát triển thuốc sinh học	3	12	33	0	0
		Phần tự chọn	8				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
1	HS201	Biện luận kết quả xét nghiệm hóa sinh	2	16	0	0	14
2	HS202	Hóa sinh dinh dưỡng lâm sàng	2	30	0	0	0
3	HS203	Cơ sở hóa sinh trong kiểm nghiệm thuốc sinh học	2	30	0	0	0
4	HS204	Ứng dụng công nghệ enzyme trong ngành dược	2	30	0	0	0
5	HS205	Kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh lâm sàng	2	26	0	0	4
6	HS207	Công nghệ tế bào gốc	2	30	0	0	0
7	HS208	Hóa sinh hội chứng các bệnh chuyển hóa và các bệnh liên quan	2	30	0	0	0
8	HS212	Thuốc tác dụng trên enzyme, receptor và hệ miễn dịch	2	30	0	0	0

5. Đào tạo ngành Kiểm nghiệm thuốc và độc chất (Mã số: 8720210)

5.1. Kiến thức chung và cơ sở ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
	MC	CÁC MÔN CHUNG	3				
1.1	MC101	Triết học	3	33	0	0	12
	CS	CÁC MÔN CƠ SỞ	20				
	BB	Phần bắt buộc	12				
1.1	CS102	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng dược liệu	2	30	0	0	0
1.2	CS103	Quản trị học	2	22	0	0	8
1.3	CS104	Phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới	2	30	0	0	0
1.4	CS105	Phân tích dụng cụ	2	28	0	0	2
1.5	CS106	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	26	0	0	4
1.6	CS108	Thống kê sinh học	2	20	0	10	0
	TC	Phần tự chọn	8				
1.1	CS101	Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	2	30	0	0	0
1.2	CS107	Sinh dược học bào chế	2	30	0	0	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
1.3	CS204	Gốc tự do và các chất chống oxy hóa	2	25	5	0	0
1.4	CS208	Ứng dụng phức chất trong Y – Dược học	2	25	5	0	0
1.5	CS210	Sinh học phân tử	2	30	0	0	0
1.6	CS211	Sở hữu trí tuệ trong ngành dược	2	26	0	0	4
1.7	CS212	Ứng dụng phương pháp phổ trong phân tích cấu trúc	2	10	0	20	0
1.8	CB206	Một số phương pháp chiết xuất hiện đại.	2	22	0	0	8
1.9	DL213	Một số kỹ thuật hiển vi trong nghiên cứu dược liệu	2	30	0	0	0
1.10	LS202	Dược động học lâm sàng	2	20	0	10	0
1.11	HS203	Cơ sở hóa sinh trong kiểm nghiệm thuốc sinh học	2	30	0	0	0

5.2. Kiến thức ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
		Phần bắt buộc	14				
2.1	KN101	Ứng dụng điện hóa trong phân tích thuốc	2	24	0	6	0
2.2	KN103	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc*	2	22	0	8	0
2.3	KN102	Chuyên đề nghiên cứu 1: Xây dựng đề cương Luận văn Thạc sĩ	3	0	45	0	0
2.4	KN104	Chuyên đề nghiên cứu 2: Phân tích ưu nhược điểm một số ứng dụng sắc ký trong thực tế (Báo cáo bằng tiếng Anh)	3	12	33	0	0
2.5	KN105	Chuyên đề nghiên cứu 3: Phân tích ưu nhược điểm một số ứng dụng quang học trong thực tế	2	8	22	0	0
2.6	KN106	Chuyên đề nghiên cứu 3: Phân tích ưu nhược điểm một số ứng dụng điện	2	8	22	0	0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
		hoá trong thực tế					
		Phần tự chọn	8				
2.1	KN201	Điện di và điện di mao quản*	2	24	0	6	0
2.2	KN202	Hóa nước	2	22	0	8	0
2.3	KN203	Kiểm nghiệm mỹ phẩm	2	26	0	4	0
2.4	KN204	Kiểm nghiệm thực phẩm	2	22	0	8	0
2.5	KN206	Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp vi sinh	2	26	0	4	0
2.6	KN208	Ứng dụng xử lý mẫu trong phân tích thuốc	2	22	0	8	0
2.7	KN210	Triển khai phòng thí nghiệm GLP	2	26	0	4	0
2.8	KN211	Tiêu chuẩn hóa chất lượng thuốc thành phẩm	2	28	0	0	2
2.9	KN212	Ứng dụng phương pháp quang học trong phân tích thuốc	2	22	0	8	0
2.10	KN213	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích*	2	24	6	0	0
2.11	KN214	Nghiên cứu độ ổn định của thuốc*	2	24	6	0	0
2.12	KN215	Phân tích nhiệt*	2	22	4	4	0
2.13	KN216	Kiểm nghiệm chỉ tiêu vi sinh trong dược phẩm	2	24	0	6	0
2.14	DL211	Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng dược liệu	2	30	0	0	0
2.15	HS205	Kỹ thuật xét nghiệm hoá sinh lâm sàng	2	26	0	0	4

* Học phần trong chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Dược học, định hướng Kiểm nghiệm thuốc và độc chất được công nhận điểm cho chương trình thạc sỹ ngành Kiểm nghiệm thuốc và độc chất

6. Đào tạo ngành Tổ chức quản lý dược (Mã số: 8720212)

6.1. Kiến thức chung và cơ sở ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
	MC	CÁC MÔN CHUNG	3				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
1	MC101	Triết học	3	33	0	0	12
	CS	CÁC MÔN CƠ SỞ	20				
1	BB	Phần bắt buộc	12				
1.1	CS101	Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	2	30	0	0	0
1.3	CS103	Quản trị học	2	22	0	0	8
1.4	CS104	Phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới	2	30	0	0	0
1.6	CS106	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	26	0	0	4
1.7	CS107	Sinh dược học bào chế	2	30	0	0	0
1.8	CS108	Thống kê sinh học	2	20	0	10	0
2	TC	Phần tự chọn	8				
2.1	CS102	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng dược liệu	2	30	0	0	0
2.2	CS105	Phân tích dụng cụ	2	28	0	0	2
2.3	CS201	Cảnh giác Dược	2	20	0	0	10
2.4	CS203	Gen dược học	2	28	0	0	2
2.5	CS204	Gốc tự do và các chất chống oxy hóa	2	25	5	0	0
2.6	CS206	Hóa trị liệu	2	26	0	0	4
2.7	CS207	Mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc	2	22	0	0	8
2.8	CS208	Ứng dụng phức chất trong Y – Dược học	2	25	5	0	0
2.9	CS209	Dịch tễ dược nâng cao	2	22	0	0	8
2.10	CS210	Sinh học phân tử	2	30	0	0	0
2.11	CS211	Sở hữu trí tuệ trong ngành dược	2	26	0	0	4
2.12	CS212	Ứng dụng phương pháp phổ trong phân tích cấu trúc	2	10	0	20	0
2.13	CS213	Quản trị nhân lực	2	26	0	0	4
2.14	CS214	Quản trị dự án	2	26	0	0	4

6.2. Kiến thức ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
		Phần bắt buộc	14				
1	QL101	Nghiên cứu hệ thống y tế	2	24	0	0	6
2	QL102	Đánh giá kinh tế y tế	2	22	0	0	8
3	QL103	Chuyên đề nghiên cứu 1: Xây dựng đề cương luận văn thạc sĩ	3	0	45	0	0
4	QL206	Chuyên đề nghiên cứu 2: Tổng quan hệ thống	2	8	22	0	0
5	QL104	Chuyên đề nghiên cứu 3: Xử lý và phân tích dữ liệu	3	12	33	0	0
6	QL208	Chuyên đề nghiên cứu 4: Nghiên cứu định tính, định lượng và phương pháp phối hợp (Báo cáo bằng tiếng Anh)	2	8	22	0	0
		Phần tự chọn	8				
7	QL202	Y học dựa trên bằng chứng	2	24	0	0	6
8	QL203	Bảo hiểm y tế	2	22	0	0	8
9	QL204	Quản lý hệ thống cung ứng thuốc	2	26	0	0	4
10	QL205	Quản lý dược bệnh viện	2	24	0	0	6
11	QL210	Quản trị marketing dược	2	24	0	0	6
12	QL211	Quản trị doanh nghiệp dược	2	22	0	0	8
13	QL212	Quản trị chất lượng	2	22	0	0	8
14	CS211	Sở hữu trí tuệ trong ngành Dược	2	26	0	0	4
15	CS213	Quản trị nhân lực	2	26	0	0	4
16	CS214	Quản trị dự án	2	26	0	0	4

7. Đào tạo ngành Hóa dược (Mã số: 8720203)

7.1. Kiến thức chung và cơ sở ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
	MC	CÁC MÔN CHUNG	3				
1	MC101	Triết học	3	33	0	0	12
	CS	CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH	20				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
1	BB	Phần bắt buộc	12				
1.1	CS101	Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	2	30	0	0	0
1.2	CS103	Quản trị học	2	22	0	0	8
1.3	CS105	Phân tích dụng cụ	2	28	0	2	0
1.4	CS106	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	26	0	0	4
1.5	CS107	Sinh dược học bào chế	2	30	0	0	0
1.6	CS108	Thống kê sinh học	2	20	0	10	0
2	TC	Phần tự chọn	8				
2.1	CS102	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng dược liệu	2	30	0	0	0
2.2	CS104	Phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới	2	30	0	0	0
2.3	CS201	Cảnh giác Dược	2	20	0	0	10
2.4	CS203	Gen dược học	2	28	0	0	2
2.5	CS204	Gốc tự do và các chất chống oxy hóa	2	25	5	0	0
2.6	CS206	Hóa trị liệu	2	26	0	0	4
2.7	CS207	Mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc	2	22	0	0	8
2.8	CS208	Ứng dụng phức chất trong Y – Dược học	2	25	5	0	0
2.9	CS209	Dịch tễ dược nâng cao	2	22	0	0	8
2.10	CS210	Sinh học phân tử	2	30	0	0	0
2.11	CS211	Sở hữu trí tuệ trong ngành dược	2	26	0	0	4

7.2. Kiến thức ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
	BB	Phần bắt buộc	14				
1	HD101	Học phần bắt buộc 1: Một số chuyên đề chuyên sâu trong nghiên cứu phát triển thuốc mới	2	22	0	0	8

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			
				LT	BT	TH	Se
2	HD102	Học phần bắt buộc 2: Thiết kế, tối ưu hóa và nâng cấp quy trình tổng hợp hóa dược	2	20	0	0	10
3	HD103	Chuyên đề nghiên cứu 1. Xây dựng Đề cương luận văn thạc sĩ	3	0	45	0	0
4	HD104	Chuyên đề nghiên cứu 2: Một số mục tiêu phân tử trong nghiên cứu phát triển thuốc mới hiện nay	3	12	33	0	0
5	HD105	Chuyên đề nghiên cứu 3: Phân tích tổng hợp lùì và ứng dụng trong tổng hợp hóa dược (Báo cáo bằng tiếng Anh)	2	8	22	0	0
6	HD106	Chuyên đề nghiên cứu 4: Bảo vệ của các nhóm chức trong tổng hợp hóa dược.	2	8	22	0	0
	TC	Phần tự chọn	8				
1	CB201	Cơ sở kỹ thuật tổng hợp hóa dược	2	8	22	0	0
2	CB206	Một số phương pháp chiết xuất hiện đại.	2	22	0	0	8
3	CB207	Tổng hợp các thuốc hormon	2	20	0	0	10
4	CB208	Kỹ thuật sản xuất các vitamin	2	20	0	0	10
5	CB209	Sản xuất sinh phẩm và dược phẩm bằng công nghệ sinh học	2	22	0	0	8
6	KN213	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích*	2	24	6	0	0
7	HD201	Hợp chất dị vòng và ứng dụng trong dược phẩm	2	30	0	0	0
8	HD202	Hóa dược phóng xạ	2	24	0	6	0
9	HD203	Hóa học dòng chảy và ứng dụng trong công nghệ dược phẩm	2	20	0	0	10
10	HD204	Kỹ thuật sản xuất các tá dược	2	24	0	0	6
11	HD205	Phản ứng chuyển vị và ứng dụng trong tổng hợp hóa dược	2	30	0	0	0

*Công nhận chuyển đổi từ chương trình đại học ngành dược

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI HỌC

Người học đóng vai trò quan trọng trong hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục.

Người học có quyền và nghĩa vụ trong hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Dược Hà Nội. Người học được tham gia phản hồi, đóng góp ý kiến về hoạt động giảng dạy, đào tạo của Trường cũng như chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, nội dung giảng dạy của môn học/học phần, về cơ sở vật chất, về chất lượng phục vụ thực tập của kỹ thuật viên, của cán bộ phòng ban, các hoạt động hỗ trợ người học; các hoạt động kiểm tra, đánh giá, thi cử... Thông qua việc phản hồi, người học được thể hiện chính kiến của mình về những vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, chủ động đề xuất những cải tiến, thay đổi hợp lý hơn. Các ý kiến phản hồi từ người học còn là một trong những căn cứ quan trọng giúp các giảng viên, bộ môn, các phòng chức năng liên quan và Ban Giám hiệu Nhà trường có thông tin về các vấn đề tồn tại để điều chỉnh, khắc phục, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Bên cạnh đó, Nhà trường còn sử dụng các kết quả phản hồi như một trong những cơ sở dữ liệu để đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức và đề xuất khen thưởng đối với giảng viên, kỹ thuật viên...

Để thực hiện tốt vai trò của mình trong hoạt động đảm bảo chất lượng, người học cần tìm hiểu và nắm bắt một cách rõ ràng về sứ mạng, mục tiêu phát triển của Nhà trường cũng như các hoạt động, nội dung, chính sách của Nhà trường, các văn bản, quy chế, quy định được áp dụng trong hoạt động đào tạo, quản lý đào tạo của nhà trường, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến người học. Đồng thời các ý kiến phản hồi từ người học phải thực sự khách quan, trung thực và mang tính xây dựng.

NHỮNG QUY ĐỊNH VÀ VĂN BẢN CẦN BIẾT

1. Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (sửa đổi, bổ sung) của Trường ĐH Dược Hà Nội (Ban hành kèm Quyết định số 414/QĐ-DHN ngày 06/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Học viên có thể tham khảo nội dung của Quy định tại đường link sau:

<https://tinyurl.com/QD-dao-tao-thac-sy-2025>

2. Quy định hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học (trình độ thạc sĩ)

Học viên có thể tham khảo nội dung của Quy định tại đường link sau:

<https://tinyurl.com/QD-danh-gia-KQHT-thac-sy>

3. Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội của viên chức, người lao động, sinh viên, học viên của Trường Đại học Dược Hà Nội (Ban hành kèm Quyết định số 865/QĐ-DHN ngày 09/11/2021 của Trường Đại học Dược Hà Nội)

Học viên có thể tham khảo nội dung của Quy định tại đường link sau:

<https://tinyurl.com/Quy-tac-ung-xu-MXH-DHDHN>